

Số: 1061/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Bổ sung Chuẩn đầu ra chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ
đại học ngành Quản trị kinh doanh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Chuẩn đầu ra chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo, Trưởng Bộ môn Marketing và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Vũ Tuấn Lâm

KHUNG CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-HV ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Học viện)

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Tên chương trình đào tạo | Quản trị kinh doanh (Business administration) |
| 2. Mã ngành đào tạo | 7340101 |
| 3. Trình độ đào tạo | Đại học chính quy |
| 4. Thời gian đào tạo | 4 năm |
| 5. Tên gọi văn bằng | Cử nhân quản trị kinh doanh |
| 6. Trường cấp bằng | Học viện Công Nghệ Bưu chính Viễn Thông |
| 7. Khoa quản lý | Quản trị kinh doanh 1 |
| 8. Số tín chỉ yêu cầu | 130 tín chỉ tích lũy |

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu chung (Goals)

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nhân lực trình độ cử nhân bậc đại học QTKD trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số. Sinh viên tốt nghiệp đại học Quản trị kinh doanh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp. Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nằm trong chiến lược phát triển của học viện với nội dung “*Tri Thức – Sáng tạo – Đạo đức – Trách nhiệm*” hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “*vừa có tài vừa có đức*” để đóng góp chung vào sự phát triển của đất nước

2.2 Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

2.2.1 Về kiến thức

PO1: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, pháp luật, tâm lý học và toán học

PO2: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị các kiến thức về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số

PO3: Cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

2.2.2 Về Kỹ Năng:

PO4: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO5: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO6: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO7: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

2.2.3 Về thái độ:

PO8: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO9: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

2.2.4 Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO10: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế

PO11: Thành thạo kỹ năng số, bao gồm kỹ năng về tin học văn phòng, sử dụng khai thác Internet và các phần mềm thông dụng khác trong công việc và học tập

2.2.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- 1 Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo);
- 2 Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất;

- 3 Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước;
- 4 Nhà sáng lập doanh nghiệp;

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

3.1. Chuẩn về kiến thức

Kiến thức chung gồm:

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học xã hội và khoa học nhân văn vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO3: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý phù hợp với ngành vào thực tiễn (nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô và vĩ mô, nguyên lý vận động của thị trường, ứng dụng phương pháp định lượng vào hỗ trợ ra quyết định quản trị kinh doanh...);

PLO4: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực nhóm ngành quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn (vận dụng các kiến thức quản trị căn bản để đề xuất các quyết định vận hành doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực của doanh nghiệp ổn định và phát triển theo nhu cầu, triển khai các hoạt động marketing phù hợp với thị trường, phân tích tình hình tài chính và các nguồn huy động vốn, thực hiện các hoạt động quản trị tài chính căn bản trong doanh nghiệp, tổng hợp các yếu tố thuộc môi trường để xác định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp);

PLO5: Phân tích và đánh giá được cơ chế vận hành của một doanh nghiệp trong thực tế (sơ đồ hóa mô hình tổ chức và các chức năng kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các thành tố của mô hình kinh doanh, xây dựng và triển khai các dự án/kế hoạch kinh doanh).

Kiến thức theo chuyên ngành gồm:

PLO6a: Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp

PLO6.a.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.a.2: Hiểu và vận dụng được những kiến thức về đổi mới sáng tạo, phân tích được cơ chế tạo ra hoặc ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp;

PLO6.a.3: Hiểu và vận dụng được các nội dung về hoạch định, tổ chức và kiểm soát hoạt động marketing của doanh nghiệp, tổng hợp và đánh giá được các quyết định phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường và sử dụng các công cụ marketing nhằm tác động vào thị trường;

PLO6.a.4: Sáng tạo được kế hoạch khởi sự kinh doanh, kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO 6.a.5: Hiểu và vận dụng được hoạt động kinh doanh quốc tế.

PLO6.b: Chuyên ngành Thương mại điện tử (TMĐT)

PLO6.b.1: Phân tích và đánh giá được quy trình và phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp;

PLO6.b.2: Hiểu và vận dụng được những khía cạnh Pháp luật về TMĐT và An toàn thông tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.b.3: Phân tích và đánh giá được hệ thống TMĐT và phương án phát triển hệ thống TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;

PLO6.b.4: Phân tích và đánh giá được hoạt động bán lẻ trực tuyến thông qua website của doanh nghiệp, qua các sàn TMĐT hoặc qua các nền tảng mạng xã hội khác nhau;

PLO6.b.5: Phân tích và đánh giá được hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và các nhà cung cấp;

PLO6.b.6: Hiểu và vận dụng được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO6.b.7: Hiểu và vận dụng được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;

PLO6.c: Chuyên ngành Logistics

PLO6.c.1: Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

PLO6.c.2: Hiểu rõ các lý thuyết về logistics và quản trị chuỗi cung ứng; nắm bắt được xu hướng phát triển logistics, Phân tích được các nhân tố tác động đến các quyết định liên quan đến tổ chức, triển khai các quyết định quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về giao nhận, vận chuyển hàng hóa, các trung tâm phân phối và vận tải đa phương thức và thanh toán quốc tế;

PLO6.c.4: Hiểu và vận dụng các kiến thức để xây dựng kế hoạch, xác định và quản lý dự trữ sản xuất và dự trữ bán hàng của doanh nghiệp;

PLO6.c.5: Hiểu và vận dụng các kiến thức về hoạt động mua hàng, quản lý khách hàng quản lý nguồn cung ứng hàng ở các doanh nghiệp/tổ chức;

PLO6.c.6: Hiểu và vận dụng các kiến thức để phát triển hệ thống Logistics và chuỗi cung ứng trong các loại hình doanh nghiệp.

PLO6.d: Chuyên ngành Quản trị Marketing

PLO6.d.1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức để hoạch định, tổ chức và kiểm soát các hoạt động marketing của doanh nghiệp như phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường

mục tiêu, định vị thị trường và triển khai các công cụ marketing nhằm tác động vào thị trường;

PLO6.d.2: Hiểu và vận dụng được các hoạt động marketing trong thị trường công nghiệp/thị trường tổ chức (B2B marketing);

PLO6.d.3: Hiểu và vận dụng được chương trình nghiên cứu marketing nhằm mục đích hiểu về nhu cầu khách hàng, thị trường hoặc đo lường phản ứng thị trường trước các tác lực marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.4: Hiểu và vận dụng được các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp;

PLO6.d.5: Hiểu và vận dụng được các công cụ marketing điện tử, sáng tạo được kế hoạch marketing điện tử cho một sản phẩm và thị trường cụ thể.

PLO6.e: Chuyên ngành kinh doanh số

PLO6.e.1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức và các nguyên lý kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số;

PLO6.e.2: Hiểu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số;

PLO6.e.3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức để phân tích, hoạch định, và quản lý các hoạt động kinh doanh trong môi trường số;

PLO6.e.4: Hiểu và vận dụng các công cụ phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số;

PLO6.e.5: Hiểu và vận dụng các kiến thức để duy trì và phát triển hệ thống kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số.

3.2. Chuẩn về kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp chung

PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn tổng hợp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề, xác lập mục tiêu khả thi và ra quyết định trong quản trị kinh doanh);

PLO8: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (Thực hiện các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát hoạt động kinh doanh; Xử lý những tình huống phát sinh ở cấp độ quản trị viên cấp cơ sở; Thu thập, phân tích, xử lý thông tin một cách chính xác theo các phương pháp định tính, định lượng).

3.2.2 Kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành

PLO9.a: *Chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất cơ chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo; lập kế hoạch marketing, triển khai một phần các hoạt động marketing tại doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch khởi sự kinh doanh và kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

PLO9.b: *Chuyên ngành Thương mại Điện tử*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực TMĐT, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh điện tử; vận dụng pháp luật về TMĐT và an toàn thông tin trong kinh doanh; lập bản yêu cầu hệ thống TMĐT, lập kế hoạch phát triển hệ thống TMĐT; quản lý dự án ứng dụng TMĐT; vận hành hệ thống bán lẻ trực tuyến trên website của doanh nghiệp, trên sàn TMĐT và trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến; xây dựng hệ thống giao dịch và thanh toán điện tử; sử dụng mạng máy tính, sử dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp và phần mềm tác nghiệp TMĐT thông dụng;

PLO9.c: *Chuyên ngành Quản trị Logistics*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics như: phân tích và đánh giá các kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; vận hành đại lý giao nhận và khai báo thủ tục hải quan; thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thanh toán quốc tế; quản trị chuỗi cung ứng; vận tải đa phương thức; quản trị kho hàng và tồn kho; quản trị hệ thống thông tin logistics; khởi nghiệp và thiết kế mô hình logistics, chuỗi cung ứng; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; điều hành và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị logistics và chuỗi cung ứng.

PLO9.d: *Chuyên ngành Quản trị Marketing*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing, cụ thể như: nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược và chương trình marketing, triển khai các quyết định về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp

PLO9.e: *Chuyên ngành Kinh doanh số*: Có năng lực thực hành nghề nghiệp về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường số, cụ thể như: xây dựng kế hoạch kinh doanh; tổ chức và vận hành hệ thống kinh doanh; phân tích, kiểm tra, đánh giá; phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số.

3.2.3 Kỹ năng mềm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

PLO11: Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

PLO12: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;

PLO13: Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

PLO14 : Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương; Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với khu vực và quốc tế sau khi ra trường;

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO15: Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

PLO16: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO17: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ, chuyên môn;

PLO18: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PLO19: Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;

PLO20: Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kinh tế - kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

PLO21: Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

4. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1	x			x		x	x	x	x		
PLO2		x		x		x	x	x	x		x
PLO3			x	x		x	x	x	x		
PLO4				x	x		x		x		
PLO5				x	x		x		x		
PLO6a				x	x	x	x		x		
PLO6b				x	x	x	x		x		
PLO6c				x	x	x	x		x		
PLO6d				x	x	x	x		x		
PLO6e				x	x	x	x		x		
PLO7				x	x		x		x		x
PLO8				x	x				x		x
PLO9a				x		x			x		
PLO9b				x		x			x		
PLO9c				x		x			x		
PLO9d				x		x			x		
PLO9e				x		x			x		
PLO10				x		x			x		x
PLO11				x		x			x		x
PLO12				x		x			x		x
PLO13				x		x			x		x
PLO14				x					x		

PLO15				x					x		
PLO16				x	x				x		
PLO17				x	x				x		
PLO18				x	x			x	x		
PLO19				x				x	x		
PLO20				x				x	x		
PLO21				x	x				x	x	

5. BẢNG TRÌNH ĐỘ/MỨC ĐỘ NĂNG LỰC MONG MUỐN CHUẨN ĐẦU RA

TT	NLMM(*)	NỘI DUNG	GHI CHÚ
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	
1.1		Khối kiến thức chung	
1.1.1	(3.5)	Triết học Mác-Lênin	
1.1.2	(3.5)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
1.1.3	(3.5)	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1.1.4	(3.5)	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	
1.1.5	(3.5)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
1.1.6	(3.5)	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	
1.2		Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành	
1.2.1	(3.5)	Toán cao cấp 1	
1.2.2	(3.5)	Toán cao cấp 2	
1.2.3	(3.5)	Lý thuyết xác suất và thống kê	
1.2.4	(3.5)	Toán kinh tế	
1.2.5	(3.5)	Pháp luật đại cương	
1.2.6	(3.5)	Tâm lý quản lý	
2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	
2.1		Khối kiến thức cơ sở khối ngành	
2.1.1	(4.0)	Kinh tế vi mô 1	
2.1.2	(4.0)	Kinh tế vĩ mô 1	
2.1.3	(4.0)	Marketing căn bản	
2.1.4	(4.0)	Nguyên lý kế toán	
2.1.5	(3.5)	Kinh tế lượng	
2.1.5	(4.0)	Quản trị học	
2.1.6	(4.0)	Quản trị chiến lược	
2.1.7	(4.0)	Quản trị nhân lực	
2.1.8	(3.5)	Quản trị tài chính doanh nghiệp	
2.1.9	(4.5)	Quản trị sản xuất	
2.1.10	(4.0)	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm	
2.1.11	(3.5)	Phân tích hoạt động kinh doanh	
2.1.12	(3.5)	Logistics căn bản	

TT	NLMM(*)	NỘI DUNG	GHI CHÚ
2.1.13	(3.5)	Luật kinh doanh	
2.1.14	(3.5)	Hệ thống thông tin quản lý	
2.1.15	(3.5)	Giao tiếp trong kinh doanh	
2.1.16	(3.5)	Thương mại điện tử căn bản	
2.1.17	(3.5)	Tài chính tiền tệ	
2.1.18	(3.5)	Thống kê doanh nghiệp	
2.1.19	(3.5)	Kế toán quản trị	
2.2		Kiến thức chuyên ngành	
2.2.1		<i>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp</i>	
2.2.1.1	(4.0)	Quản trị marketing	
2.2.1.2	(4.0)	Khởi sự kinh doanh	
2.2.1.3	(4.0)	Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp	
2.2.1.4	(4.0)	Quản trị doanh nghiệp	
2.2.1.5	(4.0)	Quản trị kinh doanh quốc tế	
2.2.1.6	(3.5)	Chuyên đề	
2.2.2		<i>Chuyên ngành Thương mại điện tử</i>	
2.2.2.1	(4.0)	Nghiệp vụ thương mại	
2.2.2.2	(4.0)	Pháp luật thương mại điện tử	
2.2.2.3	(4.0)	Xây dựng website thương mại điện tử	
2.2.2.4	(4.0)	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	
2.2.2.5	(4.0)	Thanh toán điện tử	
2.2.2.6	(4.0)	E-Marketing	
2.2.2.7	(3.5)	Chuyên đề	
2.2.3		<i>Chuyên ngành Logistics</i>	
2.2.3.1	(4.0)	Quản trị doanh nghiệp	
2.2.3.2	(4.0)	Quản trị Logistics	
2.2.3.3	(4.0)	Quản trị vận chuyển và giao nhận	
2.2.3.4	(4.0)	Quản trị dự trữ	
2.2.3.5	(4.0)	Quản trị mua và nguồn cung ứng	
2.2.3.6	(3.5)	Chuyên đề Quản trị Logistics	
2.2.4		<i>Chuyên Ngành Quản trị Marketing</i>	
2.2.4.1	(4.0)	Quản trị marketing	
2.2.4.2	(4.0)	Marketing công nghiệp	
2.2.4.3	(4.0)	Nghiên cứu marketing	
2.2.4.4	(4.0)	Truyền thông marketing tích hợp	
2.2.4.5	(4.0)	E- Marketing	
2.2.4.6	(3.5)	Chuyên đề Quản trị Marketing	
2.2.5		<i>Chuyên ngành kinh doanh số</i>	

TT	NLMM(*)	NỘI DUNG	GHI CHÚ
2.2.5.1	(4.0)	Nguyên lý kinh doanh số	
2.2.5.2	(4.0)	Quản trị kinh doanh số	
2.2.5.3	(4.0)	Chuyển đổi doanh nghiệp trong môi trường số	
2.2.5.4	(4.0)	Công nghệ tài chính	
2.2.5.5	(4.0)	Digital Marketing	
2.2.5.6	(3.5)	Chuyên đề kinh doanh số	
3		KỸ NĂNG TIN HỌC	
3.1	(4.0)	Tin học cơ sở 1	
3.2	(4.0)	Tin học cơ sở 3	
4		KỸ NĂNG TIẾNG ANH	
4.1	(4.0)	Tiếng Anh (Course 1)(*)	
4.2	(4.0)	Tiếng Anh (Course 2)	
4.3	(4.0)	Tiếng Anh (Course 3)	
4.4	(4.0)	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	
5		KỸ NĂNG MỀM (chọn 3/7)	
5.1	(4.0)	Kỹ năng thuyết trình	
5.2	(4.0)	Kỹ năng làm việc nhóm	
5.3	(4.0)	Kỹ năng tạo lập văn bản	
5.4	(4.0)	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	
5.5	(4.0)	Kỹ năng giao tiếp	
5.6	(4.0)	Kỹ năng giải quyết vấn đề	
5.7	(4.0)	Kỹ năng tư duy sáng tạo	

NLMM (): Năng lực mong muốn*